GIÁO VIÊN THAM GIA SOẠN BÀI 3, NHÓM 3 KNTT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Địa chỉ mail | Đơn vị công tác |
| 1 | Ngô Thị Kết | ngoketcma@gmail.com | THPT Chương Mỹ A- Hà Nội |
| 2 | Nguyễn T Hồng Thúy | thuyvanquangoai@gmail.com | THPT Quảng Oai-Ba Vì- HN |
| 3 | Nguyễn Kim Hoàn | Nguyenkimhoan-c3vantao@hanoiedu.nv | THPT Vân Tảo –Hà Nội |
| 4 | Đinh Thị Giang | Dinhgiang2801@gmail.com | THPT hợp Thanh- HN |
| 5 | Nguyễn Thanh Lan | tieulanthuytinh@gmail.com | THPT Chương Mỹ A-HN |
| 6 | Lại Thị Thùy Châu | laithuychau.leloi@gmai.com | THPT Lê Lợi Hà Đông –HN |
| 7 | Phạm Thị Nương | tuenguyen613@gmail.com | THPT chuyên Lương Văn Tụy N B |
| 8 | Phạm T Minh Phương | Phuongvan.nt@gmail.com | THPTNguyễn Trãi -An Dương Hải ph |
| 9 | Dung Thị Loan | dungthiloanvt@gmail.com | THPT Lương Văn Tri- Lạng Sơn |
| 10 | Phan Thị Cẩm Tú | camtu1909.90@gmail.com | TTGDNNGDTX Cẩm Xuyên,Hà Tĩnh |
| 11 | Trần Thị Yến | tranthiyen5895@gmail.com | THPT chuyên Bắc Ninh |
| 12 | Đặng Thu Thủy | thuydang-hs@gmail.com | THPT Chương Mỹ A –Hà Nội |
| 13 | Lê Minh Giang | Leminhgiang13@gmail.com | THPT Ứng Hòa A- Hà Nội |

BÀI 3: NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Môn học: Ngữ văn lớp 10

Thời gian thực hiện: 11 tiết

1. **TỔNG QUAN**
2. **MỤC TIÊU CHUNG TOÀN BÀI**

1.Kiến thức

• Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.

• Xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận; dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

• Biết nhận ra và khắc phục những lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.

• Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

• Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau.

• Có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác và sống có trách nhiệm.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Học sinh phát triển năng lực hợp tác,năng lực giải quyết vấn đề,

**- Năng lực đặc thù:**

+ Học sinh viết được một văn bản nghị luận xã hội, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật của một văn bản nghị luận xã hội

+ Học sinh thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một văn bản nghị luận xã hội.

3. Phẩm chất:

Học sinh có ý thức sống khát vọng lập sự nghiệp , có trách nhiệm với cộng đồng,có tinh thần hiếu học, trân trọng các giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc.

**NỘI DUNG BÀI HỌC**

Đọc văn bản

* Hiền tài là nguyên khí của quốc gia
* Yêu và đồng cảm
* Chữ bầu lên nhà thơ

Thực hành tiếng Việt

* Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn bản

Viết

* Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

Nói và nghe

-Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Các sơ đồ biểu thị mối quan hệ giữa những yếu tố cấu tạo trong từng văn bản đọc của bài học và bảng đối chiếu hai khái niệm mạch lạc và liên kết; một số tranh ảnh về bia tiến sĩ ở Văn Miếu Quốc Tử Giám, những bài văn thuyết phục chọn lọc (của chính HS, được tập hợp trong quá trình hoặc của những tác giả khác được sưu tầm qua các nguồn tài liệu khác nhau)

- Bài giảng điện tử với các slide có chèn hình ảnh, sơ đồ về mạch lập luận trong văn bản phù hợp, được bài trí logic, đẹp mắt; những nội dung trong từng slide không để hiển thị cùng lúc (tránh để HS nhìn thấy trước kết quả khi hoạt động chỉ mới bắt đầu).

- Phiếu học tập

**B.TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**ĐỌC**

**TIẾT 23-24 HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA**

GV thực hiện: **Nguyễn Thị Hồng Thúy**

Trường THPT Quảng Oai (Ba Vì- Hà Nội)

**Nguyễn Kim Hoàn**- THPT Vân Tảo- Hà Nội

1. MỤC TIÊU
2. Về kiến thức

* Học sinh nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam
* HS phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa, giá trị của văn bản.
* HS có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài, biết bày tỏ quan điểm riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài mà mình được biết

1. Về năng lực

* Học sinh vận dụng năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận để đọc hiểu văn bản theo thể loại
* Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết được văn bản nghị luận.

1. Về phẩm chất:

* Học sinh rèn luyện tinh thần hiếu học, có khát vọng công danh, noi gương các bậc hiền tài, trân trọng các di sản văn hóa dân tộc.

1. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sơ đồ tư duy, tranh ảnh về Văn Miếu, phiếu học tập
3. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cẩn
4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
5. Ổn định tổ chức
6. Kiểm tra
7. Bài mới

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung

- GV cho HS xem hình ảnh về Văn Miếu Quốc Tử Giám và bia tiến sĩ ở Văn Miếu.

- Hs theo dõi

c.Sản phẩm

- Hs thực hiện các yêu cầu của GV

- HS hoàn thành điền các thông tin vào phiếu

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập  - GV chiếu hình ảnh về Văn Miếu Quốc Tử Giám và bia tiến sĩ ở đây  - Thu thập thông tin HS đã biết về tên các tiến sĩ  trong các triều đại phong kiến Việt Nam, tên các tiến sĩ được khắc trong Văn Miếu Quốc Tử Giám   * Em nghĩ gì khi được xem những hình ảnh mà cô ho xem   Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  HS theo dõi và trả lời câu hỏi  Bước 3: Báo cáo và thảo luận  Bước 4: Kết luận, nhận định  GV chốt ý và dẫn dắt vào bài | - Một số tiến sĩ thời phong kiến: Lê Văn Thịnh, Trần Thái Tông, Trịnh Tuệ, Bùi Quốc Khái....  - Trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, từ thế kỉ X (triều Lí) đã có dựng những hàng bia đá ghi họ tên, năm thi đỗ của các tiến sĩ Đại Việt.. Bài “Hiền tài là nguyên khí quốc gia” trích từ một trong những văn bia đó.  - Qua những hình ảnh đó, chúng ta cảm nhận rõ nét về tinh thần và truyền thống hiếu học, đồng thời cũng thấy được sự trọng dụng vinh danh nhân tài của dân tộc ta |

**2.HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

A.Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Học sinh phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.

- Học sinh xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận, dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

b. Nội dung :

- Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa

- Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về văn bản nghị luận và các yếu tố chính trong văn bản nghị luận.

c. Sản phẩm

- Những kiến thức chung nhất về văn nghị luận

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập  Chia lớp thành 4 nhóm   * Nhóm 1:thế nào là nghị luận * Nhóm 2: Luận đề? Luận điểm? lí lẽ * Nhóm 3: Nghị luận xã hội có mấy dạng * Nhóm 4: Cho biết tính mạch lạc trong văn bản nghị luận   Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  -HS đọc trong SGK  -Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu  Bước 3. Báo cáo, thảo luận  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu  Bước 4. Kết luận, nhận định  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận | I. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN  1. KHÁI NIỆM  - Văn bản nghị luận là loại văn bản thể hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ.  - Khi viết văn bản nghị luận tùy vào tính chất của thể loại được chọn, các tác giả cũng thường chú ý sử dụng yếu tố biểu cảm và tự sự để làm tăng hiệu quả thuyết phục cho văn bản.  2. CÁC YẾU TỐ CHÍNH CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN  a. Luận đề  - Luận đề là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm…được tập trung bàn luận trong văn bản.  b. Luận điểm  - Luận điểm là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề. Nhờ hệ thống luận điểm (gọi nôm na là hệ thống ý), các khía cạnh cụ thể của luận đề mới được làm nổi bật theo một cách thức nhất định.  - Luận điểm cần được trình bày một cách rõ ràng, có hệ thống, có định hướng cụ thể và đảm bảo tính chính xác cao.  c. Lí lẽ, bằng chứng  - Lí lẽ, bằng chứng hay được gọi nôm na là luận cứ. Lí lẽ nảy sinh nhờ suy luận logic được dùng để giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ và đứng vững. Bằng chứng là những căn cứ cụ thể, sinh động được triển khai từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ.    II. BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI  Bài nghị luận xã hội là một trong nhiều dạng của văn nghị luận, đề cập các vấn đề xã hội được quan tâm rộng rãi, không đi vào những vấn đề, lĩnh vực quá chuyên sâu nhằm tạo được sự hồi đáp tích cực, nhanh chóng từ phía người đọc, người nghe. Đề tài của bài nghị luận xã hội rất phong phú, thường được xếp vào hai nhóm chính:  - Bàn về một hiện tượng xã hội  - Bàn về một tư tưởng đạo lí  Đáp ứng yêu cầu chung của một văn bản nghị luận, bài nghị luận xã hội cũng phải xác lập được luận đề rõ ràng, triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng, có lời văn chính xác, sinh động.  III. MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN  - Mạch lạc là sự thống nhất ở bề sâu giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong văn bản ( các câu xoay quanh tiểu chủ đề còn các đoạn thì cùng hướng tới chủ đề chung).  - Liên kết là sự thống nhất có thể nhận ra được trên bề mặt ngôn từ giữa các câu trong đoạn văn trong văn bản nhờ sự hiện diện của những phương tiện, hình thức kết nối.  - Trong một văn bản, các đoạn văn đều phải hướng về chủ đề hoặc luận đề chung được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, nhằm giải quyết từng mục tiêu cụ thể như triển khai, mở rộng, khái quát vấn đề,…  - Trong một đoạn văn các câu đều phải phục vụ chủ đề của đoạn văn và liên kết với nhau bằng phép lặp, phép thế, phép nối. |

**B. Đọc hiểu văn bản**

a.Mục tiêu

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.

- Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa giá trị của văn bản.

+ Chỉ ra được quan niệm và thái độ của tác giả đối với hiền tài

+Chỉ ra tác dụng của việc dựng bia

+ Đánh giá được nội dung và nghệ thuật của văn bản

- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

b. Nội dung thực hiện:

- Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài.

- Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm

c. Sản phẩm

- HS thực hiện các yêu cầu của GV

- HS hoàn thành điền các thông tin vào phiếu

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ  -Giáo viên yêu cầu 2 HS đọc trọn vẹn văn bản  Đọc giong điệu khoai thai, trang trọng  - Hs đọc phần giới thiệu về tác giả- tác phẩm và thể loại văn bia đặt ở sau văn bản  - GV phát phiếu học tập số 1, yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ trong phiếu nhằm:  + Ghi lại thông tin về tác giả Thân Nhân Trung  + Xác định thể loại văn bản? Tên thể loại cụ thể  + Cho biết hoàn cảnh sáng tác  + Đoạn trích Hiền tài là nguyên khí của quốc gia nằm trong tác phẩm nào  + Giải thích nhan đề  + Xác định nội dung  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ   * HS trả lời ý vào phiếu học tập * GV quan sát và hỗ trợ   Bước 3: Báo cáo, thảo luận  Bước 4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét và chốt ý | I.Đọc hiểu khái quát  1. Đọc và tìm hiểu chú thích  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ kho strong SGK  2.Tác giả  -Thân Nhân Trung (1418-1499)  - Quê quán: làng Yên Ninh – huyện Yên Dũng nay thuộc tỉnh Bắc Giang  - 1469 đỗ tiến sĩ  - Là phó nguyên soái trong Tao đàn văn học do Lê Thánh Tông sáng lập  3. Thể loại  - Văn bản nghị luận: Bày tỏ quan điểm nhìn nhận, đánh giá của người viết  - Thể loại văn học cụ thể là thể loại văn bia: Là loại văn khắc trên bia đá nhằm ghi chép những sự việc trọng đại, hoặc những người có công đức lớn để lưu truyền cho đời sau. Có 3 loại:  + Bia ghi công đức  + Bia ghi việc xây dựng công trình kiến trúc  + Bia lăng mộ  4. Hoàn cảnh sáng tác  - Từ thời nhà Lý, nhà nước phong kiến Việt Nam đã rất chú ý tổ chức định kì các khoa thi tuyển chọn nhân tài. Tuy nhiên, việc dựng bia lưu danh tên tuổi những người đỗ đạt cao nhất chỉ bắt đầu được thực hiện dưới triều vua Lê Thánh Tông.  Năm Giáp Thìn 1484, bảy bia đề danh tiến sĩ đã được dựng lên ở Văn Miếu, ghi lại tên tuổi của những bậc đỗ đại khoa kể từ năm Nhâm Tuất 1442 cho đến thời điểm đó. Thân Nhân Trung là người đã “lĩnh thánh ý” soạn bài kí để khắc trên tấm bia đầu tiên. Do uy danh văn học và vị trí trong triều của tác giả cũng như do tính chất mở màn của công việc mà tác giả đảm trách,  bài kí của Thân Nhân Trung thường dành được sự quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu.  5.Đoạn trích Hiền tài là nguyên khí của quốc gia  - Bài trích này nằm trong tác phẩm có tên là Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất hiệu Đại bảo thứ ba, một trong 82 bài văn bia ở Văn Miếu Hà Nội  -Thuộc loại văn bia đề danh ghi công đức.  - Giải thích nhan đề:  + Hiền tài: chỉ những người có tài, có đức, tài cao, đức lớn  + Nguyên khí: khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, dân tộc  + ý nghĩa nhan đề: người hiền tài đóng vai trò vô cùng quan trọng, quý giá, không thể thiếu  - Nhận xét kết cấu: mở đầu đoạn văn tác giả khẳng định vị trí “nguyên khí” của hiền tài đối với quốc gia và kết thúc cũng khẳng định vai trò “củng cố mệnh mạch cho nhà nước”. Đây là lối kết cấu đồng tâm, nhằm nhấn mạnh vai trò của người hiền tài đối với quốc gia  - Nội dung của đoạn trích: khẳng định vai trò của người hiền tài đối với vận mệnh của đất nước, đồng thời chỉ rõ mục đích tốt đẹp của việc đề danh tiến sĩ. |

|  |  |
| --- | --- |
| Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập  - Giá trị của hiền tài đối với đất nước.  - Để thấy được giá trị/vai trò của người hiền tài, tác giả đã sử dụng nghệ thuật lập luận gì?  - Thái độ trọng dụng hiền tài của “các đấng thánh đế minh vương”.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  HS thảo luận nhóm về giá trị của hiền tài đối với đất nước.  Bước 3: Báo cáo thảo luận  Bước 4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét và chốt ý | II. Đọc hiểu văn bản  1. Mối quan hệ mật thiết của người hiền tài đối với quốc gia  -Mối quan hệ giữa hiền tài với sự thịnh suy của đất nước. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh rồi lên cao và ngược lại: nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp.  Cách lập luận theo kiểu diễn dịch bằng lối so sánh đối lập để thấy chân lí rõ rang, hiển nhiên  - Các bậc thánh đế minh vương thể hiện thái độ trọng dụng hiền tài: quý trọng, yêu mến, đề cao, ban ân rất lớn, nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ. |

|  |  |
| --- | --- |
| Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập  - Hãy ghi lại câu trực tiếp nói về mục đích của việc dựng bia ghi danh những người đỗ tiến sĩ  - Xét về nội dung, đoạn 3 có mối quan hệ như thế nào với đoạn 2?  - Khái quát nội dung của đoạn 4. Và cho biết đoạn văn này đảm nhận chức năng gì trong mạch lập luận  - Việc dựng đá đề bia khắc tên những người đỗ tiến sĩ có ý những ý nghĩa gì?  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  HS thảo luận nhóm  Ghi lại câu trả lời ra giấy  Bước 3: Báo cáo thảo luận  Bước 4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét sản phẩm của Hs và chốt ý | 2. Ý nghĩa của việc cho khắc bia ghi tên tiến sĩ  - Câu trực tiếp nói về mục đích của việc dựng bia ghi danh những người đỗ tiến sĩ nằm ở đoạn 3: *“Nay thánh minh lại cho rằng, chuyện hay việc tốt tuy có một thời lừng lẫy, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ lưu vẻ sáng lâu dài, cho nên lại dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan, khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua”.*  -Đoạn 2 có hai ý lớn và ý sẽ được triển khai thêm ở đoạn 3 nói về sự trọng đãi của triều đình đối với bậc hiền tài. Bằng chứng được nêu thêm: vua cho dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan. Trong văn bản, sự triển khai và bổ sung này rất cần thiết, vì nó chuyển mạch lập luận từ chỗ bàn về nguyên lí chung tới bàn về những chuyện cụ thể như chuyện dựng bia – sự việc trực tiếp dẫn tới sự ra đời của bài kí này  - Đoạn 4 là lời tự vấn thể hiện thái độ tự trọng của kẻ sĩ trước sự tôn vinh, kì vọng của triều đình, rộng ra là của cả đất nước. Ở góc độ khác, nó cũng có thể được xem là lời “khích tướng”, nhằm cổ vũ, động viên các bậc hiền tài. Chính đoạn 4 đã tạo ra bước chuyển của mạch lập luận, để đoạn tiếp theo đi thẳng vào nội dung khuyến cáo một cách tự nhiên.  - Việc dựng đá đề bia khắc tên những người đỗ tiến sĩ có ý những ý nghĩa to lớn  + Khuyến khích được người hiền ra giúp nước, khiến cho kẻ sĩ trong vào mà phấn chấn hâm mộ rèn giũa danh tiết gắng sức giúp vua  + Ngăn ngừa điều ác, kẻ ác khiến cho ý xấu bị ngăn chặn, lòng thiện tràn đầy; kẻ ác thấy đó làm răn, người thiện xem đó mà cố gắng  + Đối với đất nước, việc khắc bia tiến sĩ có tác dụng “dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai” góp phần làm cho hiền tài nảy nở, đất nước hung thịnh, phát triển “rèn giũa danh tiếng cho sĩ phu vừa để củng cố mệnh mạch cho nước nhà” |

|  |  |
| --- | --- |
| Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập  - Hãy xác định luận đề  - Hệ thống luận điểm  - Tư cách của người viết trong bài: một là của người truyền đạt “thánh ý”, hai là của kẻ sĩ. Với hai tư cách đó đã tác động như thế nào đến bài viết  - Mục đích viết có tác dụng như thế nào đến bài nghị luận  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  -HS thảo luận nhóm  -Ghi lại câu trả lời ra giấy  Bước 3: Báo cáo thảo luận  Bước 4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét sản phẩm của HS và chốt ý | 3.Nghệ thuật  - Luận đề của văn bản là Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Lí do  xác định như vậy: Tất cả luận điểm trong văn bản đều được triển khai và bố trí xoay quanh  tư tưởng này,  -Có 3 luận điểm nhằm trả lời cho các câu hỏi của luận đề:  + Vì sao hiền tài được xem là nguyên khí của quốc gia?  + Khi xem hiền tài là nguyên khí của quốc gia, các đấng “thánh đế minh vương” đã làm gì?  +Người hiền tài phải tỏ thái độ trách nhiệm thế nào đối với thế nước, vận nước?  Khi phân tích tư cách phát ngôn của tác giả, ta vừa có điều kiện đánh giá thoả đáng quan niệm,  tư tưởng của ông, vừa có cơ hội hiểu rõ sự chi phối rất tinh tế của yếu tố này trong cấu trúc văn bản nghị luận.  -Việc thống nhất hai tư cách của người viết trong bài văn (tư cách người truyền đạt “thánh ý” và tư cách người kẻ sĩ tự trọng) đã khiến cho cách triển khai luận điểm trong bài trở nên uyển chuyển, linh hoạt, vừa xác quyết rắn rỏi, dứt khoát, vừa thiết tha, giàu cảm xúc, hết sức thuyết phục.  -Luận đề của văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia chính là điều được nêu trong tên văn bản ấy. Tác giả không nói về hiền tài một cách vô mục đích, mà nói về hiền tài trong quan hệ với quốc gia và khẳng định nó là “nguyên khí của quốc gia”. Ngay hai chữ “hiền tài” có thể đã ngầm chứa bên trong một tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả hay của người giao phó việc viết bản văn bia này cho tác giả. |

|  |  |
| --- | --- |
| Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập  - Khái quát nội dung của văn bản  - Khái quát những đặc điểm nghệ thuật  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  HS thảo luận nhóm  Ghi lại câu trả lời ra giấy  Bước 3: Báo cáo thảo luận  Bước 4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét và chốt ý | III. Tổng kết  1.Nội dung  - Khẳng định tầm quan trọng của hiền tài đối với quốc gia và ý nghĩa to lớn của việc khắc bia đề danh tiến sĩ  - Trách nhiệm của tác giả đối với sự nghiệp xây dựng đất nước  2. Nghệ thuật  - Kết cấu chặt chẽ,lập luận khúc chiết, giàu sức thuyết phục  - Luận đề cụ thể, luận điểm và luận cứ rõ ràng,lời lẽ sắc sảo |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học

- Phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS

b. Nội dung

- Tìm ý cho bài viết 1 đoạn văn khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài

c. Sản phẩm

- Các ý triển khai cho 1 đề bài: luận đề, các luận điểm chính

d. Tổ chức thức hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập  - Để viết được bài 150 chữ nêu suy nghĩ về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài thì cần những ý gì?  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  HS thảo luận nhóm  Ghi lại câu trả lời ra giấy  Bước 3: Báo cáo thảo luận  Bước 4: Kết luận, nhận định  Gv nhận xét và yêu cầu về nhà viết thành đoạn văn hoàn chỉnh vào vở. | IV.Luyện tập  Bài viết 150 chữ nêu suy nghĩ về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài  Các ý cần đáp ứng  + Cộng đồng cần những gì ở các bậc hiền tài?  +Các bậc hiền tài có thể đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước như thế nào?  +Chính sách trọng dụng hiền tài cần  được thể hiện trên các việc làm cụ thể ra sao?  +Đâu là những điều chưa thoả đáng mà bạn có thể nhận thấy xung quanh vấn đề này?  + Bạn có thể làm gì để cùng cộng đồng nâng cao ý thức bảo vệ nguồn chất xám trí tuệ của đất nước?... |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- Phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS trình bày vấn đề nghị luận xã hội

b. Nội dung

- Viết 1 đoạn văn khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài

c. Sản phẩm

- Văn bản nghị luận xã hội khoảng 150 chữ

d. Tổ chức thức hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập  -Viết được bài 150 chữ nêu suy nghĩ về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài  - Chú ý 5 gợi ý phần luyện tập. Câu chủ đề nên đặt ở đầu đoạn văn, các luận điểm triển khai đầy đủ rõ ràng  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  Hs về nhà viết bài  GV thu sản phẩm  Bước 3: Báo cáo thảo luận  GV có thể cho Hs đọc bài văn mẫu hay nhất của lớp  Bước 4: Kết luận, nhận định  Gv nhận xét và yêu cầu về nhà viết thành đoạn văn hoàn chỉnh vào vở. | V.VẬN DỤNG  Bài viết 150 chữ nêu suy nghĩ về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài   * Bài mẫu:   “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” là chân lý mà mỗi quốc gia phát triển đều phải quan tâm chú ý. Quốc gia có nhiều hiền tài và biết sử dụng hiền tài thì sẽ phát triển vững mạnh. Ngày nay Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng người tài: có những chính sách lớn để đào tạo bồi dưỡng và thu hút nhân tài phục vụ công việc đổi mới và xây dựng đất nước, với quan điểm đúng đắn: “Giáo dục là quốc sách hang đầu”. Vì thế, điều kiện học tập của học sinh-sinh viên không ngừng được nâng lên, giúp cho người học có thể phát huy hết khả năng của mình. Tuy nhiên thực tế ở một số nơi, điều kiện thực tế làm việc và chế độ đãi ngộ nhân tài hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, vẫn xảy ra hiện tượng “chảy máu chất xám”, làm cho việc trọng dụng nhân tài chưa thật tốt. Nhưng đó chỉ là tồn tại ở một số nơi thôi. Vì vậy học sinh cần phải học tập và trau dồi tài năng để có thể đónggóp trí lực một cách tốt nhất dựng xây đất nước. Đó là trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay |

**TIẾT 24, 25**

**YÊU VÀ ĐỒNG CẢM**

GV thực hiện: **Nguyễn Thị Thanh Lan** - Trường THPT Chương Mỹ A- HN

**Đinh Thị Giang** – THPT Hợp Thanh- HN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Giúp học sinh nhận biết và phân tích được nội dung luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản, phân tích được mối quan hệ giữa chúng

**-** Học sinh cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.

- Thấy được ý nghĩa của việc sự thấu cảm, đồng cảm trong đời sống và trong nghệ thuật

**2. Về năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tìm kiếm tri thức, tự hoàn thiện phiếu học tập theo yêu cầu, chuẩn bị bài theo định hướng

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm

- Năng lực lĩnh hội và tạo lập văn bản: biêt các đọc hiểu văn bản và viết một đoạn văn nghị luận

**3. Về phẩm chất**:

- Bồi dưỡng lòng nhân ái từ sự thấu cảm, đồng cảm trog đời sống và trong nghệ thuật

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:  - GV cho HS xem bức tranh “Lại điểm 2” của tác giả người Nga Fyodor Reshetnikov  - Phần đặt câu hỏi cho học sinh:  + Em hãy quan sát bức tranh và miêu tả lại cảm xúc, thái độ của từng nhân vật.  + Căn cứ vào đâu em có thể có những cảm nhận ấy về các nhân vật   * GV dẫn vào bài: Nhìn vào bức tranh các em đã thấy sự tức giận của người mẹ, sự phẫn nộ của chị gái, sự vui mừng của chú chó đón cậu chủ trở về và đặc biệt là nỗi buồn của cậu bé bị điểm kém. Để có những cảm nhận đó, ít nhiều các em đã đặt mình vào vị trí các nhân vật. Như vậy là các em đã đồng cảm với các nhân vật ấy. Trong thực tế và trong nghệ thuật, đồng cảm rất quan trọng. Để hiểu hơn về điều đó chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản “**Yêu và đồng cảm**” của nhà văn Phong Tử Khải | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên cho học sinh xem tranh (ppt)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh quan sát và chia sẻ những cảm nhận cá nhân  **Bước 3.** Giáo viên dẫn dắt vào bài học. | **GV dẫn dắt vào bài học**  **Tìm hiểu về văn bản *Yêu và đồng cảm*** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Học sinh biết một số thông tin về tác giả và tác phẩm  - Học sinh hiểu nhận ra và phân tích được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề.  - Học sinh cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.  -Học sinh thấy được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm (ở nhà)  - Học sinh chia sẻ phiếu học tập  - Học sinh làm việc nhóm, thảo luận dựa trên những câu hỏi gợi ý của giáo viên | |
| **NV: Hướng dẫn học sinh đọc văn bản và tìm hiểu chung**  **I.Chuẩn bị trước khi đọc**  **Bước 1:** Giáo viên gọi học sinh chia sẻ những hiểu biết của mình về tác giả, tác phẩm  **Bước 2. Báo cáo, chia sẻ**  Học sinh chia sẻ bài làm trong phiếu học tập mình đã chuẩn bị  **Bước 3. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản và giới thiệu thêm những bức tranh, tác phẩm do ông sáng tác   * Giáo viên phát vấn học sinh về cách hiểu nhan đề * Học sinh trả lời theo suy nghĩ của mình   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + *Hướng dẫn cách đọc văn bản*  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh điền vào phiếu học tập    **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **II. Khám phá văn bản**   * GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm tương ứng với một luận điểm, tìm hiểu, thỏa luận dựa trên những câu hỏi trong phiếu bài tập * Các nhóm tỉm hiểu luận điểm để làm rõ luận đề từ những câu hỏi gợi ý, sau đó chia sẻ trước lớp   **Luận điểm 1: Câu chuyện khởi đầu và dư âm để lại**  Bước 1: GV giao nhiệm vụ Nhóm 3  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  Nhóm 3 hoàn thành phiếu học tập (có thể trên giấy A0, dạng sơ đồ)  Bước 3: Nhóm 3 cử đại diện thuyết trình sản phẩm của nhóm  - Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung  Bước 4 : GV đánh giá, bổ sung, chốt lại ý  **Luận điểm 2: Chiêm nghiệm về cách nhìn đời của họa sĩ**  Bước 1: GV giao nhiệm vụ,  Bước 2: nhóm 2 hoàn thành phiếu học tập  Bước 3: Nhóm 2 cử đại diện thuyết trình sản phẩm của nhóm  - Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung  Bước 4: GV đánh giá, bổ sung, chốt lại ý  **3. Luận điểm 3: Luận về sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật**  Bước 1: GV giao nhiệm vụ, nhóm 3 hoàn thành phiếu học tập (có thể trên giấy A0, dạng sơ đồ)  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  Nhóm 3 hoàn thành phiếu học tập  Bước 3: Báo cáo, thảo luận  Nhóm 3 cử đại diện thuyết trình sản phẩm của nhóm  - Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung  Bước 3: GV đánh giá, bổ sung, chốt lại ý  **4. Luận điểm 4: Bài học sáng tác từ cách nhìn thế giới của trẻ em**  Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập  Bước 2: nhóm 4 hoàn thành phiếu học tập  Bước 3: Nhóm 4 cử đại diện thuyết trình sản phẩm của nhóm  - Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung  Bước 4: GV đánh giá, bổ sung, chốt lại ý  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv gọi 02 học sinh trả lời  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm**  **1. Tác giả**  - Phong Tử Khải (1898-1975) là một nghệ sĩ đa tài. Ông là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc  - Tản văn và những bức “mạn họa” của ông được công chứng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây.  - Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tấm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật  **2. Tác phẩm**  - Văn bản *Yêu và đồng cảm* được trích trong tập *Sống vốn đơn thuần* của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là Sống mà học nghệ thuật.  - Nhan đề: **Yêu và đồng cảm**  🡪 Gợi mở suy đoán về luận đề của văn bản, người viết bàn luận về sự giao cảm và kết nối chung giữa con người với con người, hoặc trong lĩnh vực tình yêu  **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  **1. Đọc văn bản**  - HS biết cách đọc văn bản theo hướng dẫn của GV, trả lời được các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.  **2. Nội dung chính của từng phần và hệ thống luận điểm**  **a. Nội dung chính**  - Những hành động của chú bé đã khiến tác giả “ngộ ra” ý nghĩa lớn lao, đích thực của sự đồng cảm.  - Nêu lên và giải thích cái nhìn riêng của người họa sĩ đối với mọi sự vật trong thế giới  - Khẳng định vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật.  - Mở rộng cách hiểu về lòng đồng cảm: đồng cảm là sự chia sẻ, tương thông, chan hòa không chỉ giữa con người với con người mà còn với muôn vật khác trong vũ trụ.  - Chỉ ra sự tương đồng giữa người lớn và trẻ em trong việc bảo toàn khả năng giao cảm vốn có của con người.  - Khẳng định sự cần thiết của việc học theo trẻ em về việc nuôi dưỡng lòng đồng cảm để cuộc sống trở nên đẹp đẽ và giàu ý nghĩa hơn  **b. Hệ thống luận điểm**  - Luận điểm 1: Câu chuyện khởi đầu và dư âm để lại  - Luận điểm 2: Chiêm nghiệm về cách nhìn đời của họa sĩ  - Luận điểm 3: Luận về vai trò của đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật.  - Luận điểm 4: Bài học sáng tác từ cách nhìn thế giới của trẻ em.  **3. Cách triển khai các luận điểm**   1. **Luận điểm 1:**  * Câu chuyện chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc tạo nên sức hấp dẫn, thuyết phục cho văn bản. Tác giả muốn nêu vấn đề, bàn luận vấn đề từ những trải nghiệm cá nhân để người đọc có thể hiểu, đồng cảm với vấn đề mà ông ông suy nghĩ, trăn trở * Tác giả phục chú bé không chỉ bởi sự chăm chỉ mà còn vì cảm phục tấm long đồng cảm của chú bé: chú hòa mình vào suy nghĩ , cảm xúc của đồ vật và xếp chúng về đúng vị trí của mình. * Trẻ em đã dạy cho người nghệ sĩ, cho chúng ta cách nhìn đời, sụ tương thông giữa vạn vật và sự cần thiết phải duy trì sự hồn nhiên, vô tư, trong suốt khi ứng xử với thế giới, với nghệ thuật.   **→** Đây là cách thuyết phục giàu tính nghệ thuật, tác động vào cảm xúc và lí trí người đọc. Những hành động của chú bé đã khiến tác giả “ngộ ra” ý nghĩa lớn lao, đích thực của sự đồng cảm  **b. Luận điểm 2:**  **-** Dẫn chứng:Với gốc cây  **+** Nhà khoa học: tính chất, trạng thái  **+** Bác làm vườn: sức sống  → Thực tiến  **+** Họa sĩ: dáng vẻ → Hình thức, dáng vẻ  - Lí lẽ: “Thực ra chúng ta bước được vào thế giới của Mĩ…hình dạng và tư thái mà thôi”  → Lí lẽ thể hiện những suy tư mang tính triết học bắt đầu từ những trải nghiệm với hội họa. “Hôi họa”, “họa sĩ” là những đối tượng mang tính đại diện cho một hoạt động rộng lớn, đó là nghệ thuật, là văn học.  → Khẳng định vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật.  **c. Luân điểm 3**  - Vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật  + Lí lẽ:  / Nếu không có tấm lòng đồng cảm thì chỉ là thợ vẽ chứ không thể trở thành họa sĩ thực thụ  / Đồng cảm với vạn vật sẽ giúp chúng ta cảm nhận được rõ hơn vẻ đẹp của thế giới  + Dẫn chứng:  /Phải khoáng đạt như anh hùng mới vẽ được  anh hùng, phải dịu dàng như thiếu nữ mới vẽ được thiếu nữ  /Phải trải nghiệm sức sống của rồng ngựa mới vẽ được rồng ngựa; chứng kiến vẻ rắn rỏi của tùng bách mới họa được tùng bách, biến mình thành bình hoa, cảm nhận cái lực của bình hoa mới vẽ được bình hoa.  -🡪 Cách đưa dẫn chứng toàn diện, phù hợp với lí lẽ. Thao tác lập luận so sánh được sử dụng đã làm nổi bật tầm quan trọng của đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật. Đồng thời khẳng định: đồng cảm là một phẩm chất không thể thiếu của người nghệ sĩ  **d. Luân điểm 4:**  - Trong tác phẩm nhà văn đã dùng nhiều câu nói về trẻ em và tuổi thơ   * Điểm tương đồng giữa trẻ em và người nghệ sĩ   + Có cái nhìn không vụ lợi về mọi đối tượng (không quan tâm đến “giá trị thực tiễn” của chúng): *không chỉ đồng cảm với con người, còn đồng cảm hết thảy sự vật như chó mèo, hoa cỏ, chim cá, bướm sâu…*  + Luôn duy trì được trạng thái “hồn nhiên” khi nhìn đời bằng tấm lòng “đồng cảm bao la”: *hồn nhiên trò chuyện với chó mèo, hồn nhiên hôn lên hoa cỏ, hồn nhiên chơi với búp bê..*  +Luôn phát hiện ra những điều thú vị của thế giới ngay ở chỗ bao người đã nhìn mà không thây   * Đó chính là những bài học trẻ em đã dạy cho người chúng ta và người nghệ sĩ về cách nhìn đời, về cách cảm nhận thế giới. Vì vậy người nghệ sĩ phải không ngừng nuôi dưỡng tâm hồn mình để đạt đến độ trong trẻo như trẻ thơ để luôn khám phá được những điều mới mẻ trong cuộc sống   Sức thuyết phục của các đoạn văn không chỉ nằm ở lí lẽ, dẫn chứng gần gũi, lôi cuốn mà còn ở sự so sánh sự tương đồng giữa trẻ em và nghệ sĩ, ở sự phát hiện độc đáo của nhà văn…  **III. Tổng kết**   1. **Nội dung**  * Đồng cảm luôn hiện hữu trong cuộc sống con người và tác động đến vạn vật xung quanh, không chỉ giữa con người với con người mà còn giữa con người với thiên nhiên, vạn vật. * Văn bản có sức truyền cảm mạnh mẽ tới độc giả, thúc đẩy mỗi cá nhân biết yêu thương và cảm thông.  1. **Nghệ thuật**  * Ngôn từ mộc mạc, dễ hiểu. Văn phong tự nhiên, dễ tiếp nhận. * Triển khai ý và luận điểm rõ rang, mạch lạc, ập luận chặt chẽ, * Lí lẽ, dẫn chứng hợp lí thuyết phục mà không khô khan. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*  ***Câu 1****: Phong Tử Khải là nhà văn nước nào?*  *A. Việt Nam*  *B. Nhật Bản*  *C. Trung Quốc*  *C. Ấn Độ*  ***Câu 2****: Vấn đề quan trọng trong các sáng tác của Phong Tử Khải là gì?*  *A. Vươn tới lí tưởng cao cả, khát vọng giải phóng cá tính*  *B. Thơ mang đậm ý vị Thiền, khao khát giao hòa giữa con người và thế giới*  *C. Cuộc sống của tướng sĩ nơi biên cương, nỗi oán hờn của người cung nữ*  *D. Đ*ề cao tấm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật  ***Câu 3:*** - Văn bản *Yêu và đồng cảm* được trích từ chương mấy của cuốn sách *Sống vốn đơn thuần* ?  *A. 3*  *B. 4*  *C. 5*  *D. 6*  ***Câu 4****: Tại sao tác giả nhắc nhiều đến trẻ em và trẻ thơ?*  *A. Vì trẻ em chính là người đã giúp người nghệ sĩ nhận ra cách nhìn đời, ứng xử với thế giới và nghệ thuật.*  *B. Vì trẻ em là búp trên cành, mong manh, nhỏ bé cần được nâng niu chăm sóc và cần sựyêu thương.*  *C. VÌ trẻ em nhìn nhận thế giới một cách thơ ngây, nhìn nhận cuộc sống phiến diện, một chiều.*  *D. Vì trong thế giới của trẻ em mọi thứ đều lung linh, huyền ảo, luôn mơ về thế giới cổ tích với những gì trong sáng nhất.*  ***Câu 5****: Đâu KHÔNG phải là điểm tương đồng giữa người nghệ sĩ và trẻ em mà tác giả đã phát hiện ra?*  *A. Cả trẻ em và người nghệ sĩ đều có cái nhìn không vụ lợi về mọi đối tượng*  *B. Luôn thích khám phá những cái mới mẻ để thỏa trí tò mò,*  *C. Luôn duy trì được trạng thái hồn nhiên khi nhìn đời bằng tấm lòng đồng cảm.*  *D. Luôn phát hiện ra những điều thú vị của thế giới ở chỗ bao người nhìn không thấy*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Gợi ý:  Câu 1: C  Câu 2: D  Câu 3: C  Câu 4: A  Câu 5: A |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  [*Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm*](https://vietjack.com/soan-van-lop-10-kn/viet-doan-van-phan-tich-mot-chi-tiet-ki-ao-trong-mot-truyen-than-thoai-da-hoc.jsp) *nhận về sự cần thiết của đồng cảm trong cuộc sống.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | *Gợi ý:* |

**Phụ lục**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**VĂN BẢN “YÊU VÀ ĐỒNG CẢM”**

**TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ - TÁC PHẦM**

****

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**VĂN BẢN “YÊU VÀ ĐỒNG CẢM”**

**TÌM HIỂU LUẬN ĐIỂM 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi gợi ý** | **Hình thức trình bày** |
| Tác giả mở đầu bài viết bằng một câu chuyện. Điều đó gây ấn tượng gì?  Tác giả phục chú bé về sự chăm chỉ hay vì điều gì?  Trong văn bản tác giả hay nói về trẻ em và tuổi thơ, đặc biệt toàn bộ đoạn 1. Tại sao tác giả hay nhắc về trẻ em và tuổi thơ như vậy?  Vấn đề mà tác giả trăn trở trong đoạn 1 là gì | * Thảo luận, ghi lại những ý lớn trên giấy, cử các đại diện chia sẻ lại kết quả |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**VĂN BẢN “YÊU VÀ ĐỒNG CẢM”**

**TÌM HIỂU LUẬN ĐIỂM 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi gợi ý** | **Hình thức trình bày** |
| *-* Góc nhìn riêng về sự vật được thể hiện thế nào ở những người có nghề nghiệp khác nhau?  *-*Mặc dù không ít lần nhắc tới danh xưng “ họa sĩ” nhưng trong thực tế tác giả không chỉ bó hẹp trong hội họa. Những từ ngữ nào trong văn bản giúp anh/chị nhận ra điều đó? | * Thảo luận, ghi lại những ý lớn trên giấy, cử các đại diện chia sẻ lại kết quả |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ: 4**

**VĂN BẢN “YÊU VÀ ĐỒNG CẢM”**

**TÌM HIỂU LUẬN ĐIỂM 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **LĐ 3: Luận về vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật**   * Hãy chỉ ra những lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả sử dụng để nói về vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật? * Theo các em những yếu tố nào góp phần tạo nên tính thuyết phục cho luận điểm 3 | * Ý 1: yêu cầu làm theo hình thức sơ đồ tư duy +thuyết trình * Ý 2,3: thảo luận và cử đại diện trả lời bằng miệng |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ: 5**

**VĂN BẢN “YÊU VÀ ĐỒNG CẢM”**

**TÌM HIỂU LUẬN ĐIỂM 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **LĐ 4: Bài học sáng tác từ cách nhìn thế giới của trẻ em**   * Tác giả đã phát hiện những điểm tương đồng nào giữa trẻ em và người nghệ sĩ? * Theo tác giả người sáng tạo nghệ thuật học được điều gì ở trẻ em? | * Thảo luận nhóm, ghi kết quả ra giấy, cử đại diện trình bày |

**TIẾT 27-28. VĂN BẢN ĐỌC**

**CHỮ BẦU LÊN NHÀ THƠ**

**Giáo viên soạn:**

1. **Phạm Thị Minh Phương- THPT Nguyễn Trãi- Hải Phòng**
2. **Lại Thị Thùy Châu- THPT Lê Lợi- Hà Đông – Hà Nội**
3. **Phạm Thị Nương- THPT chuyên Lương Văn Tuỵ Ninh Bình**
4. **MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.

- Học sinh phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.

- Học sinh có được nhận thức đầy đủ hơn về lao động thơ và về nhà thơ

**2. Về năng lực**

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản nghị luận

- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối đọc

**3. Về phẩm chất**: Có tình yêu đối với thơ ca và những giá trị thẩm mĩ trong đời sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung thực hiện**:

- GV cho HS chơi trò chơi: AI NHANH HƠN

- Nội dung trò chơi: GV đưa ra 2 ngữ liệu thể hiện các quan niệm khác nhau về nhà thơ. Nhiệm vụ của học sinh là nhận diện được nội dung của các quan niệm đó, bước đầu đưa ra nhận xét về điểm giống và khác nhau trong hai quan niệm.

- Cuối cùng Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

***Gợi ý đáp án***

***- Quan niệm 1:***

***Là thi sĩ nghĩa là ru với gió***

***Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây***

***Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây***

***Hay chia sẻ bởi muôn tình yêu mến***

***(Cảm xúc, Xuân Diệu)***

***-> Xuân Diệu định nghĩa về thi sĩ: là người có nguồn cảm xúc dạt dào, có sự nhạy cảm, tinh tế, hòa nhập với thiên nhiên, cuộc sống. Tâm hồn nhà thơ giống như dây đàn, sẵn sàng rung lên rung lên những thanh âm trong trẻo trước những vẻ đẹp của cuộc sống.***

***- Quan niệm 2:***

***Là thi sĩ nghĩa là hồn cao khiết***

***Chí kiên cường sứ mệnh cao siêu***

***Ca tự do, tiến bộ với tình yêu***

***Yêu nhân loại, hòa bình, công lí.***

***(Là thi sĩ, Sóng Hồng)***

***-> Sóng Hồng quan niệm nhà thơ và thơ ca nói chung phải có sứ mệnh phản ánh những vấn đề của hiện thực đời sống, của cách mạng, ngợi ca những giá trị nhân văn, tiến bộ của loài người.***

***=> Hai quan niệm trên đều khẳng định vai trò, sứ mệnh của thi sĩ và thơ ca nói chung. Tuy nhiên mỗi quan niệm lại thể hiện một cách nhìn khác nhau về sứ mệnh của nhà thơ.***

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Giáo viên chiếu ngữ liệu

Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn sau khi kết thúc trò chơi: ***Em đồng tình với quan niệm nào trong hai quan niệm trên? Vì sao? Theo em, nhà thơ phải là người như thế nào?***

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Học sinh chia sẻ

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu hoạt động**:

**-** Học sinh nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung thực hiện:**

- Học sinh hoàn thiện sản phẩm dưới dạng một bài thuyết trình tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên phát phiếu học tập yêu cầu học sinh tìm hiểu thông tin về tác giả tác phẩm từ buổi học trước. Các em được chia nhóm để thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu thông tin và viết một bài giới thiệu về tác giả, có sử dụng phần trình chiếu powerpoint. Sau đó sẽ báo cáo trên lớp.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và hoàn thành sản phẩm tại nhà.  **Thời gian: khoảng 1 tuần trước khi diễn ra tiết học.**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu  **Thời gian**: 10 phút (2 nhóm báo cáo sản phẩm)  **Phản biện và trao đổi**: 5 phút  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm**  **1. Tác giả**  ***a. Tiểu sử***  - Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, (10/09/1929 – 21/04/2008), là một nhà thơ Việt Nam  - Ông quê ở Bắc Giang nhưng sinh ra tại Yên Bái  - Ông là một trong những nhân vật trụ cột của phong trào nhân văn giai phẩm.  - Năm 2007, cùng với ba nhà thơ khác của Phong trào Nhân văn – giai phẩm là Trần Dần, Phùng Quán và Hoàng Cầm, ông được nhận Giải thưởng nhà nước về Văn học nghệ thuật.  - Tác phẩm chính: Bài thơ trên ghế đá (thơ, in chung với Vĩnh Mai, 1958), Cửa hàng Lê Đạt (trường ca, 1959), 36 bài thơ tình (thơ,in chung với Dương Tường, 1990), Bóng chữ (thơ, 1994), 95 bài thơ, Hèn đại nhân (tập truyện, 1994), Ngó lời (thơ, 1997), 241 bài thơ, Mi là người bình thường (tập truyện, 2007)  U75 Từ tình (thơ và đoản ngôn, 2007), 88 bài  - Ông mất ngày 21/04/2008 tại Hà Nội.  ***b. Phong cách sáng tác***  Về thơ, Lê Đạt tự nhận mình là phu chữ, vì thơ ông viết rất kỹ tính, cẩn thận từng câu chữ, chọn lọc, suy nghĩ và dằn vặt rất nhiều.  **2. Tác phẩm**  **a. Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ**  - Văn bản được in lần đầu trên báo Văn nghệ, số 34, năm 1994  - Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông.  **b. Bố cục**  - Đoạn 1: Những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn từ trong thơ.  - Đoạn 2: Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tầm vóc nhà thơ qua cách nhà thơ tìm phiếu ủng hộ từ “cử chi chữ”  - Đoạn 3: Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính. |

**Nội dung 2: Đọc - hiểu văn bản**

1. **Mục tiêu hoạt động:**

**-** Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.

**-** Học sinh phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.

**b. Nội dung thực hiện:**

- Học sinh chia nhóm thảo luận để tìm hiểu về văn bản

- Học sinh phát vấn, thảo luận về nghệ thuật và quan niệm của Lê Đạt

**c. Sản phẩm**: Kết quả thảo luận nhóm của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên phát Phiếu tìm hiểu văn bản  Chia lớp thành 4 nhóm theo hình thức KHĂN TRẢI BÀN.  **- Nhóm 1:** Em hãy nêu những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn? Từ đó nhận xét về nội dung các ý kiến đó?  **- Nhóm 2:** Tác giả đã tranh luận với những quan niệm nào về thơ? Lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng là gì?  **- Nhóm 3:** Em hiểu như thế nào và quan niệm “chữ bầu lên nhà thơ” của tác giả? Em có đồng tình với quan điểm này không?  **Nhóm 4**: “Không có chức nhà thơ suốt đời”, vậy lúc nào có một nhà thơ không còn là nhà thơ nữa?  **- Câu hỏi thảo luận chung:** Bài viết của Lê Đạt đã giúp em hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ câu trả lời  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn từ trong thơ.**  - Tại cuộc Hội thảo Văn miếu và trong tập Bóng chữ, nhà thơ phát biểu:  + Văn xuôi chủ yếu dựa vào “ý tại ngôn tại”  + Thơ khác hẳn, dựa vào “ý tại ngôn ngoại”. Đã “ý tại ngôn ngoại” tất nhiên phải cô đúc và đa nghĩa.  + Người ta làm thơ không phải bằng ý mà bằng chữ.  + Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng” nghĩa tự vị của nó mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ.  + Nói như Va – lê – ri, chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về hóa trị.  - Nhà thơ đã đưa ra sự khác nhau giữa ngôn ngữ trong văn và ngôn ngữ thơ.  **2. Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tầm vóc nhà thơ qua cách nhà thơ tìm phiếu ủng hộ từ “cử chi chữ”**  - Tác giả đã tranh luận với hai quan niệm khá phổ biến:  + Thơ gắn liền với những cảm xúc bộc phát, bốc đồng, làm thơ không cần cố gắng  + Thơ là vấn đề của những năng khiếu đặc biệt xa lạ với lao động lầm lũi và nỗ lực trau dồi học vấn.  - Để minh chứng cho lí lẽ của mình, nhà thơ đã đưa các nhà văn, nhà diễn thuyết nổi tiếng để tạo căn cứ cho luận điểm. Ví dụ:  + Tôn – xtoi đã chữa đi chữa lại nhiều lần cuốn tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình”  + Phlo – be cân nhắc chữ trên cân tiểu li như người thầy thuốc  - Tác giả không đồng tình với định kiến: các nhà thơ Việt Nam thường chín sớm nên cũng lụi tàn sớm. Đó là những nhà thơ chủ yếu sống bằng vốn trời cho.  - Nhà thơ bày tỏ sự kính trọng đối với những nhà thơ một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổ bát mồ hôi lấy từng hạt chữ.  - Ông đưa những tấm gương nhà thơ: Lý Bạch, Xa – a – đi, Gớt, Ta – go làm minh chứng.  => Tác giả muốn người đọc đừng dễ dãi tin vào những nhận địng phổ biến mà cần phải đào sâu vấn đề với ý thức phản biện thường trực.  - Nhận định “chữ bầu lên nhà thơ”;  + Theo nhà thơ gốc Pháp, Gia – bét: không có chức nhà thơ suốt đời . Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ.  + “Chữ” là ngôn ngữ nghệ thuật in đậm dấu ấn sáng tác của nhà thơ và chữ trong thơ là loại ngôn ngữ đặc thù khác với ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ ngôn ngữ văn xuôi, không còn là ngôn ngữ biểu đạt thông thường mà đã trở thành một đối tượng tự dựng mình thành cõi riêng, thách thức khám phá.  Theo tác giả, nhà thơ là một nghề nghiệp không dễ làm, để tạo ra một bài thơ thì nhà thơ cần phải thông qua một cuộc bầu cử chữ. Chữ trong thơ cũng không giống chữ trong văn chương, không thể chỉ hiểu theo nghĩa từ điển mà phải hiểu theo “ý tại ngôn ngoại”.  **3. Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.**  - Theo tác giả, con đường thơ gồm nhiều con đường riêng rất khác nhau của từng người. Không có con đường chung cho toàn thể mọi người.  - “Con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ”: cách nói thể hiện sự liên kết, mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà thơ và tác phẩm của họ.  - Nhà thơ phải dùi mài, lao động chữ, biến ngôn ngữ công cộng thành ngôn ngữ đặc sản độc nhất làm phong phú cho tiếng mẹ đẻ.  => Trong quá trình sáng tạo chữ, nhà thơ sẽ có những phát bất chợt, những cảm hứng ngắn ngủi hoặc phải làm việc chăm chỉ trên những trang giấy để tạo ra những câu thơ hay và ý nghĩa. Một nhà thơ có thành công tạo ra một bài thơ xuất sắc hay không là phải nhờ vào ngôn ngữ, ý nghĩa thơ. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

1. **Mục tiêu hoạt động:**

**-** Học sinh nhận biết được nội dung chính và đặc sắc nghệ thuật của văn bản

**b. Nội dung thực hiện:**

- HS làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi: Em hãy nêu nội dung chính và đặc sắc nghệ thuật của văn bản  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh làm việc cá nhân  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trả lời câu hỏi  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nội dung**  Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông.  **2. Nghệ thuật**  - Lời văn súc tích  - Cách trình bày luận điểm rõ ràng  - Lối viết độc đáo, vừa có tính trí tuệ vừa giàu liên tưởng  - Câu văn có nhịp điệu, tạo sức cuốn hút |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Củng cố kiến thức bài học cho HS

**b. Nội dung thực hiện:**

- HS viết bài

**c. Sản phẩm**: Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh viết đoạn trình bày suy nghĩ về một nhận định mà em tâm đắc trong tác phẩm vừa học.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Bài làm mẫu**  Trong văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ”, Lê Đạt đã đưa ra quan niệm: “Con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ”. Thật vậy! Một người nghệ sĩ chân chính được đánh giá không phải bởi những danh xưng mà người đời đặt cho họ mà bởi chính những con chữ họ tạo ra trên hành trình “cày cuốc trên cánh đồng giấy”. Con đường thơ gồm rất nhiều con đường riêng khác nhau và số phận của một nhà thơ chỉ có thể tồn tại khi họ đi trên con đường của riêng mình. Để tạo được cái riêng ấy, nhà thơ phải lao động, phải suy nghĩ, phải băn khoăn trăn trở cùng những con chữ, dồn nén tâm huyết, tình cảm của mình trong từng con chữ. Như vậy, những bài thơ được tạo ra mới có sức gợi cảm, mới khơi được ở bạn đọc sự đồng cảm và để lại những dấu ấn phong cách riêng. Một nhà thơ có tồn tại lâu bền trong độc giả hay không phụ thuộc vào tinh thần trách nhiệm, ý chí người nghệ sĩ trên con đường thơ của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh vận dụng liên hệ kiến thức trong bài học với cuộc sống

**b. Nội dung thực hiện:**

- HS làm việc nhóm 2 HS trao đổi, thảo luận

**c. Sản phẩm**: Phần trình bày của nhóm HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ: Học sinh tìm hiểu về một số nhà thơ và tác phẩm tiêu biểu. Học sinh tập làm nhà thơ, sáng tác theo chủ đề: mái trường, quê hương, gia đình… Từ đó nêu một số giải pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của các tác phẩm văn học.  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Gợi ý một số cách để giữ gìn và phát huy giá trị của các tác phẩm văn học:  - Thường xuyên tổ chức các hoạt động tìm hiểu về nhà thơ, tác phẩm thơ  - Xây dựng thư viện thơ  - Hưởng ứng ngày đọc sách do nhà trường, Đoàn, Đội tổ chức nhằm tuyên truyền giá trị văn hóa đọc. |

***Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm***

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| Yêu cầu: Em hãy tìm những thông tin về tác giả Lê Đạt và viết một bài giới thiệu theo những gợi ý sau: | |
| 1. Tiểu sử nhà thơ (tên tuổi, gia đình, quê quán…) | 4. Hoàn cảnh sáng tác bài tiểu luận Chữ bầu lên nhà thơ |
| 2. Phong cách nghệ thuật của nhà thơ | 5. Bố cục của đoạn trích trong SGK |
| 3. Những sáng tác tiêu biểu của Lê Đạt | 6. Vị trí và những đóng góp của nhà thơ đối với thi ca và nền văn học Việt Nam nói chung. |

***Phụ lục 2. Phiếu học tập tìm hiểu về văn bản***

***Graphical user interface

Description automatically generated with low confidenceGraphical user interface

Description automatically generated with low confidence***

***Phụ lục 3. Rubic chấm thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

***Phụ lục 4. Rubic chấm bài viết kết nối đọc***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**TIẾT 29. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**LỖI VỀ LIÊN KẾT VÀ MẠCH LẠC TRONG ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN: DẤU HIỆU NHẬN BIẾT VÀ CÁCH CHỈNH SỬA**

Giáo viên soạn**: Dung Thị Loan-** THPTLương Văn Tri, Văn Quan, Lạng Sơn

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

* **Học sinh nhắc lại** một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.
* **Học sinh nhận biết** được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
* **Học sinh vận dụng** để hoàn thành bài tập

**2. Về năng lực**

**Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để giải bài tập và nhận biết được lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.

**3. Về phẩm chất**: Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**

**a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung thực hiện**:

* Chơi trò chơi: **Phát hiện các phép liên kết đã học**
* GV chia lớp thành 2 đội chơi

Đội nào ghi được nhiều điểm hơn sẽ thắng cuộc

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức hoạt động:  - GV chia lớp thành 2 đội chơi  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Phép liên kết nào được sử dụng để liên kết các câu trong các đoạn văn sau?  - Lưu ý luật chơi: Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. Đội nào giành điểm cao hơn sẽ thắng cuộc  Câu 1:  *Rõ ràng Trống Choai của chúng ta đã hết tuổi bé bỏng thơ ngây. Chú chẳng còn phải quấn quýt quanh chân mẹ nữa rồi.* (Hải Hồ)  Câu 2. *Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác, đều dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên, ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc, cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc.* (Hồ Chí Minh)  Câu 3. *Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!* (Thép Mới)  Câu 4. *Người yếu đuối thường hay hiền lành. Muốn ác phải là kẻ mạnh* (Nam Cao) **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học: sử dụng các phép liên kết là một trong những cách cơ bản tạo nên sự mạch lạc, chặt chẽ cho đoạn văn, văn bản nhưng đôi khi chúng ta chưa biết cách dùng hoặc sử dụng chưa phù hợp gây ra những lỗi đáng tiếc khi viết đoạn văn, văn bản. Hôm nay chúng ta sẽ vào bài học để phát hiện lỗi và tìm cách chỉnh sửa. | **Đáp án**  Câu 1: Phép thế  Câu 2: Phép nối  Câu 3: Phép lặp  Câu 4. Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu hoạt động**:

* Học sinh nhắc lại một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.
* Học sinh nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
* Học sinh vận dụng để hoàn thành bài tập

**b. Nội dung thực hiện:**

* Học sinh thực hiện bảng K – W – L - T
* Học sinh điền phần K và W
* Giáo viên chốt kiến thức

Học sinh điền phần L – T và tự đánh giá sau bài học

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên cho HS thực hiện bảng KWLT về các lỗi liên kết, lỗi mạch lạc thường gặp trong đoạn văn, văn bản và cách khắc phục (HS thực hiện trước ở nhà, gửi sản phẩm trên padlet hoặc classroom từ hôm trước)  K: Điều đã biết  W: Điều muốn biết thêm  L: Điều học được  T: Điều sẽ dạy các bạn  - Giáo viên tổng hợp, chia sẻ, nhận xét, chốt một số kiến thức lí thuyết (Lưu ý phần Tri thức ngữ văn và các text box)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh gửi bảng lên các ứng dụng theo yêu cầu của giáo viên  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | * **Phiếu K – W – L – T**  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **K**  **Điều em đã biết** | **W**  **Điều em muốn biết** | **L**  **Điều em học được** | **T**  **Điều em sẽ dạy lại các bạn** | |  |  |  |  |   **Lí thuyết**  **1. Yêu cầu để đảm bảo tính mạch lạc, liên kết**  - Trong một văn bản, các đoạn văn đều phải hướng về chủ đề hoặc luận đề chung, được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, nhằm giải quyết từng mục tiêu cụ thể như: triển khai, mở rộng, khái quát lại vấn đề,…  - Trong một đoạn văn, các câu đều phải phục vụ chủ để của đoạn văn và liên kết với nhau bằng phép lặp, phép thế, phép nối,…  **2. Các lỗi về liên kết, mạch lạc trong đoạn văn**  **a. Lỗi liên kết trong đoạn văn**  **- Nhận biết lỗi về liên kết trong đoạn văn**  Giữa các câu liền kề không có phương tiện kết nối hoặc có nhưng không phù hợp khiến đoạn văn trở nên rời rạc  **- Khắc phục lỗi liên kết trong đoạn văn**  +Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu liền kề.  +Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai.  +Nếu chưa có phương tiện kết nối hợp lí, phải bổ sung. Có thể viết thêm câu phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch lập luận  **b. Lỗi về mạch lạc trong đoạn văn**  **- Nhận biết về lỗi mạch lạc trong đoạn văn**  Các câu trong đoạn văn không cùng nói về một vấn đề hoặc có một số câu được triển khai lạc khỏi chủ đề chung đã xác định.  **- Khắc phục lỗi mạch lạc trong đoạn văn**  + Lựa chọn hoặc xác định đúng chủ đề của đoạn văn  + Gạch bỏ hoặc sửa lại các câu không hướng vào chủ đề.  + Viết thêm câu phát triển chủ đề. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ để phát hiện lỗi liên kết ở các bài tập Sgk

**b. Nội dung thực hiện**

HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  - GV chia lớp thành 4 nhóm  + Nhóm 1: Câu 1 (SGK)  + Nhóm 2: Câu 2. Đoạn 1 (SGK)  + Nhóm 3: Câu 2. Đoạn 2 (SGK)  + Nhóm 4: Câu 2. Đoạn 3 (SGK)  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm trong 10 phút  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và thực hành  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày phần bài làm của mình  - GV cho học sinh đánh giá đồng đẳng:  +Nhóm 4 nhận xét nhóm 1  + Nhóm 3 nhận xét nhóm 2  + Nhóm 2 nhận xét nhóm 3  + Nhóm 1 nhận xét nhóm 4  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Hướng dẫn lời giải:  **Câu 1**  Nhận xét khái quát về liên kết và mạch lạc trong văn bản:  - Về mạch lạc: các đoạn văn trong văn bản đều làm nổi bật luận đề chung của văn bản, và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, logic.  - Về liên kết: các câu trong đoạn văn đều hướng về chủ đề chính của từng đoạn và được liên kết với nhau bằng các phép lặp, phép thế, phép nối, …  **Câu 2**  **Đoạn 1:**  a) Lý do đoạn (1) được coi là đoạn văn:  - Về hình thức:  + Đoạn văn trên được viết giữa hai dấu chấm xuống dòng, chữ cái đầu đoạn được viết lùi vào một chữ và viết hoa.  + Đoạn văn trên được tạo thành bằng 4 câu văn được liên kết với nhau bằng phép liên kết hình thức: phép lặp.  - Về nội dung: đoạn văn có nội dung viết về lòng đồng cảm của con người, thuộc văn bản *Yêu và đồng cảm*.  b) Các câu trong đoạn văn có sự mạch lạc với nhau, cùng nói về tấm lòng đồng cảm của con người, trong câu đều nhắc đến các từ “*tấm lòng*” hay “*lòng đồng cảm*”.  c) Dấu hiệu nhận thấy sự mạch lạc giữa các đoạn:  - Đoạn văn trên và các đoạn văn khác đều hướng đến làm nổi bật chủ đề của văn bản *Yêu và đồng cảm*.  - Đoạn văn trên là một lí lẽ nằm trong đoạn (5) của văn bản, kết lại vấn đề về tấm lòng đồng cảm của trẻ em và con người.  d) Những từ ngữ được lặp lại nhiều lần: *con người/người, tấm lòng, lòng đồng cảm, chỉ có/chỉ vì.*  Tác dụng của việc lặp lại các từ ngữ trên là để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn, đoạn văn có sự mạch lạc, logic về mặt hình thức.  **Đoạn 2:**  a) Lý do đoạn văn vẫn rời rạc: Mặc dù từ “hiền tài” được dùng lặp lại trong tất cả các câu nhưng nội dung đoạn văn vẫn rời rạc vì các câu không cùng quy về một chủ đề, nói cách khác, mỗi câu tự dựng lên một chủ đề riêng.  b) Người viết đã nhầm lặp từ với liên kết (trên thực tế việc cố ý lặp từ không phải bao giờ cũng đồng nghĩa với việc dùng phép lặp). Chính vì điều này đoạn văn thiếu mạch lạc, các câu không hướng về cùng một chủ đề.  **Đoạn 3:**  a) Dấu hiệu nổi bật: câu văn thứ hai trong đoạn được triển khai không đúng với chủ đề chung của đoạn văn.  b) Dấu hiệu của lỗi liên kết:  - Phép nối được sử dụng để liên kết giữa câu một và câu hai chưa phù hợp.  - Giữa câu hai và câu ba chưa có phép liên kết hình thức.  c) Cách sửa:  - Thay thế phép nối “*Mặc dù … nên*…” giữa câu một với câu hai thành “*Vì … nên*…”, trở thành câu:  “*Vì không tìm thấy được ích lợi của đọc sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên hầu như mọi người đã vứt bỏ thói quen đọc sách.”*  - Có thể sửa câu thứ ba thành “Tuy chiếc điện thoại thông minh rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng nó lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn.” |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh thực hiện viết 1 đoạn văn ngắn sử dụng kiến thức về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản

**b. Nội dung thực hiện:** HS viết một đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của suy nghĩ tích cực trong cuộc sống con người.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện viết bài và nộp lại cho GV  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình, tự nhận xét về sự liên kết, mạch lạc trong đoạn văn của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá | Học sinh viết bài  **Đoạn văn tham khảo**  William James từng nói “*Tại sao chúng ta lại nên nghĩ về những điều tươi đẹp? Bởi vì suy nghĩ quyết định cuộc đời*…” Thực sự, suy nghĩ tích cực có ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi con người. Vậy, thế nào là suy nghĩ tích cực? Suy nghĩ tích cực là tư duy theo chiều hướng lạc quan, tin tưởng và nhìn nhận mọi thứ, mọi vấn đề theo chiều hướng tốt đẹp. Suy nghĩ tích cực sẽ giúp mỗi người dễ dàng vượt qua những căng thẳng, sống vui, sống khỏe hơn. Hơn nữa, với suy nghĩ tích cực, ta sẽ luôn nhận ra mặt tốt đẹp của mọi vấn đề, nhận ra những cơ hội mà người tiêu cực không thể nhìn thấy, từ đó gặt hái được những thành công trong cuộc sống. Khi nhắc tới những cá nhân tiêu biểu biết vươn mình từ khó khăn, ta không thể không nghĩ tới Henrry Ford, một tỉ phú Mỹ. Cuộc đời ông trải qua không ít lần thất bại nhưng nhờ lối suy nghĩ tích cực như ông đã từng phát biểu:"*Thất bại chỉ là nơi để ta dừng chân nghỉ ngơi. Đây là cơ hội để bắt đầu lại mọi thứ một cách khôn ngoan hơn*“ mà ông có thể vực dậy, tiếp tục thành công để trở thành một “ông vua xe hơi’, cha đẻ ngành ô tô hiện đại. Đối với gia đình, nếu các thành viên có suy nghĩ tích cực, gia đình sẽ vui vẻ, hạnh phúc, yên ấm hơn. Những cá nhân, những “tế bào” đó sẽ thúc đẩy sự tiến bộ, phát triển của xã hội. Tuy nhiên, điều đáng buồn là hiện nay vẫn còn một số người luôn nhìn đời bằng đôi mắt bi quan, suy nghĩ tiêu cực. Họ dễ chán nản, tuyệt vọng, không nhận thấy ý nghĩa của cuộc sống. Vậy nên, việc xây dựng cho bản thân quan điểm, suy nghĩ tích cực là điều cần thiết. Chúng ta cần cố gắng giữ vững tinh thần lạc quan bằng cách tập thói quen mỉm cười, tránh xa tất cả những ảnh hưởng tiêu cực, hăng hái tham gia các hoạt động trải nghiệm... |

**TIẾT 31- HOẠT ĐỘNG: NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU**

Giáo viên soạn: **Trần Thị Yến- THPT Nguyễn Trãi, An Dương, TP Hải Phòng**

1. **Mục tiêu**
2. Kiến thức

* Xác định rõ được vấn đề cần nghị luận; trình bày và đưa ra được quan điểm nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể)
* Bao quát được diễn biến của cuộc thảo luận; bày tỏ được thái độ tán thành hay phản đối trước những ý kiến đã phát biểu.

1. Năng lực

* Năng lực giải quyết vấn đề: thực hiện nhiệm vụ trước các vấn đề được cung cấp
* Năng lực thuyết trình
* Năng lực phản biện

1. Phẩm chất

* Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề

1. **Thiết bị và học liệu**
2. Thiết bị: máy chiếu, bảng, phấn, …
3. Học liệu: sách giáo khoa
4. **Tiến trình dạy học**
5. **Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| 1. **Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho HS về nội dung bài học 2. **Nội dung thực hiện**  * GV: chuẩn bị clip tranh biện về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau “Trường Teen” * HS: xem clip | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  GV: Cho HS xem clip và đặt câu hỏi: “Hãy xác định vấn đề đang được mọi người tranh luận ở đây là gì?”  HS: xem clip và dự trù câu trả lời  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS xem clip và tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV dẫn dắt vào bài học: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau. | Phần xem clip và câu trả lời của HS |

1. **Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| 1. **Mục tiêu hoạt động**  * Củng cố năng lực nói và nghe cho HS * HS trình bày quan điểm cá nhân của mình trước một vấn đề xã hội và biết cách lắng nghe những ý kiến khác nhau xoay quanh vấn đề đó.  1. **Nội dung thực hiện**  * GV: tổ chức hoạt động tranh biện “Chúng tôi nói” với Chủ đề: Với học sinh THPT “Nên hay không nên mặc đồng phục đến trường?” * HS: Thảo luận nhóm và thực hiện những nhiệm vụ được giao | |
| 1. **Chuẩn bị bài: nói - nghe** | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  GV: giới thiệu hoạt động tranh biện và chủ đề của cuộc tranh biện  GV: phân công nhiệm vụ các nhóm: Mỗi nhóm sẽ có 10 phút để chuẩn bị và thống nhất phân công thành viên đại diện nhóm tham gia tranh biện.  + Nhóm 1: Ủng hộ việc mặc đồng phục tới trường  + Nhóm 2: Không ủng hộ việc mặc đồng phục tới trường.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS tìm ý và sắp xếp ý tìm được theo ý kiến mình bảo vệ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | Phần chuẩn bị tranh biện của mỗi nhóm  (có thể sử dụng gợi ý trong Phiếu học tập số 1) |
| 1. **Trình bày bài nói - nghe** | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  GV phổ biến luật hoạt động tranh biện. Cuộc tranh biện gồm 2 phần chính đan xen nhau:  + P1: Phần nói của thành viên mỗi đội  + P2: Phần hỏi đáp giữa đại diện của mỗi đội (người hỏi chỉ hỏi không trình bày luận điểm. Người hỏi có thể yêu cầu xem nguồn bằng chứng, người trả lời có thể bị người hỏi ngắt nếu trả lời không đúng không hỏi.  - Thời gian chuẩn bị: Trước mỗi phần nói/ hỏi đáp, các đội được phép xin thời gian để chuẩn bị. Tối đa 4 phút  - Các thành viên đại diện nhóm thực hiện các lượt nói theo tiêu chí của luật hoạt động tranh biện.  - Những thành viên còn lại giữ vai trò là người nghe, khán giả, có thể hỗ trợ các thành viên trong nhóm của mình (nếu cần)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.  HS: cử đại diện và tham gia tranh luận.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS tham gia tranh luận.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV và HS thống nhất những quan điểm phù hợp xoay quanh vấn đề thảo luận. | -Phần tranh biện của HS.  -GV lưu ý cho HS những yêu cầu đối với người nghe và người nói trong SGK/93 |
| 1. **Trao đổi và đánh giá bài nói** | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  GV: tổ chức nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm. (Phiếu học tập số 2)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS các nhóm có thể tiến hành góp ý, chia sẻ, về các bài nói; rút kinh nghiệm sau khi kết thúc phần tranh biện.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV và HS thống nhất quan điểm đánh giá. | -HS hoàn thiện: Phiếu học tập số 2  - GV lưu ý cho HS có thể sử dụng bảng nội dung đánh giá trong SGK/94 để hoàn thiện phiếu học tập |
| 1. **Tổng kết về hoạt động nói và nghe** | |
| - GV hướng dẫn HS tự mình xác định được các ưu, nhược điểm khi nêu ý kiến thảo luận về một vấn đề.  - HS lên kế hoạch cho mình để tự bồi dưỡng khả năng trình bày quan điểm cá nhân. | HS rút kinh nghiệm, tự đánh giá.  GV khuyến khích HS tiếp tục thảo luận về các chủ đề mang tính thời sự khác. |

1. **Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| 1. **Mục tiêu hoạt động**: HS nâng cao khả năng tranh biện của bản thân**.** 2. **Nội dung thực hiện**  * GV: giao nhiệm vụ học tập về nhà “Tìm hiểu và xác định thêm những vấn đề xã hội còn có nhiều ý kiến bàn luận khác nhau. Từ đó, em hãy đưa ra quan điểm của cá nhân mình.” * HS: thực hiện nhiệm vụ | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  GV: giao nhiệm vụ học tập về nhà  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà | Phần làm việc cá nhân của HS tại nhà. |

1. **Phụ lục**
2. **Phiếu học tập số 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG TRANH BIỆN: “CHÚNG TÔI NÓI”**  **Chủ đề: Với học sinh THPT “Nên hay không nên mặc đồng phục tới trường”** | |
| **Ủng hộ/ Tán thành** | **Không ủng hộ/ phản đối** |
| * Vì sao??   ……………………………………......  ………………………………………..  ………………………………………..   * Ý nghĩa như thế nào?   ………………………………………...  ………………………………………...  ………………………………………...   * Ưu, nhược điểm?   ………………………………………...  ………………………………………...   * Cách khắc phục?   ………………………………………...  ………………………………………... | * Vì sao??   ……………………………………......  ………………………………………..  ………………………………………..   * Ý nghĩa như thế nào?   ………………………………………...  ………………………………………...  ………………………………………...   * Ưu, nhược điểm?   ………………………………………...  ………………………………………...   * Cách khắc phục?   ………………………………………...  ………………………………………... |

1. **Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ**  **Tên người hoặc nhóm đánh giá: …………………………………………………..** | | | |
| **Tên người được đánh giá** | **Căn cứ đánh giá** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
|  | Nội dung ý kiến tham gia thảo luận |  |  |
| Kĩ năng trình bày ý kiến |  |  |
| Kĩ năng tương tác trong thảo luận |  |  |
|  | Nội dung ý kiến tham gia thảo luận |  |  |
| Kĩ năng trình bày ý kiến |  |  |
| Kĩ năng tương tác trong thảo luận |  |  |

**Tiết 32. TRẢ BÀI VIẾT THỰC HIỆN Ở NHÀ**

**(Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm)**

Giáo viên soạn: **Đặng Thu Thủy,** trường THPT Chương Mỹ A, Hà Nội

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Củng cố lại các kiến thức Ngữ văn đã học: những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục, cách viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm.

- Học sinh nhận biết, phân tích được cụ thể, rõ ràng và đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của mình khi viết bài thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm mang tính tiêu cực.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Học sinh biết thực hành viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm theo các bước được hướng dẫn; phát triển tư duy phản biện, năng lực giao tiếp - hợp tác, tự đánh giá ưu, nhược điểm, giải quyết vấn đề…

- **Năng lực đặc thù**: Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Tự rút ra được bài học trong cuộc sống, có trách nhiệm với bản thân; tôn trọng và lịch sự trong giao tiếp.

- Chủ động, tự giác, ý thức được nhược điểm, sẵn sàng thay đổi bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, thang đánh giá kết quả.

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, các dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** | |
| **I. HOẠT ĐỘNG 1.** KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ  **a. Mục tiêu hoạt động:**  - Tạo tâm thế thoải mái và định hướng bài học cho HS  - HS nhận biết được tầm quan trọng của việc thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm.  **b. Nội dung thực hiện:**  **-** GV cho HS xem video với nội dung hướng HS đến việc từ bỏ một vài thói quen, quan niệm cần từ bỏ (lười tập thể dục thể thao, vứt rác bừa bãi, bỏ bữa sáng, quan niệm trọng nam khinh nữ, kỳ thị màu da, sắc tộc, tôn giáo…)  - Trao đổi với HS về nội dung của video. | | |  |  |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên chiếu video, đặt câu hỏi:  Sau khi xem những hình ảnh vừa rồi em thấy tác giả khuyên mọi người điều gì? Lời khuyên có thuyết phục không? Vì sao?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định, dẫn dắt vào bài học**  *Việc nhận xét cách thuyết phục trong video sẽ giúp các em soi chiếu vào bài viết của mình, cùng nhìn nhận lại những điểm mạnh và điểm yếu trong bài viết của mình.* | | **• *HS*** Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  – Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Cùng nhận xét về cách thuyết phục của phóng sự  – Có thái độ tích cực, hứng thú. |  |  |
| **II. HOẠT ĐỘNG 2.** NHẮC LẠI, KHẮC SÂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI, HƯỚNG DẪN HS PHÂN TÍCH ĐỀ, LẬP DÀN Ý  **Mục tiêu hoạt động:**  *- HS nhận biết được các nội dung cơ bản và trình tự sắp xếp trong bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen.*  *- HS xác định được đúng các luận điểm trong bài viết, tóm lược được nội dung các luận điểm.*  *–  Học sinh biết cách nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm của mình. – Kĩ thuật dạy học: Công não, thông tin – phản hồi – Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, thảo luận* | | |  | |  |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **–**Giáo viên chép đề lên bảng, yêu cầu học sinh nhắc lại yêu cầu cơ bản của kiểu bài, phân tích đề và lập dàn ý, từ đó, giúp học sinh nhận biết được những ưu, khuyết điểm trong bài làm của mình.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS: phân tích đề, lập dàn ý, đối chiếu với bài làm của mình để nhận ra ưu, khuyết điểm và tự sửa chữa.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận*** HS nêu lên những ưu điểm, khuyết điểm trong bài làm của mình.  ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhấn mạnh vào một số điểm HS còn thiếu sót khi làm bài.*** | **I. Yêu cầu của kiểu bài, dàn ý**  **1. Yêu cầu**  - Cần đưa ra những luận điểm, luận cứ xác đáng, mạch lạc và có logic.  - Nêu ra quan điểm, cách nhìn nhận vấn đề đa chiều của bản thân bằng cách đưa ra những bằng chứng xác đáng, để tạo hứng thú, sức thuyết phục người khác.  - Dự kiến những lý lẽ phản bác được đưa ra, kiểm soát được quá trình thuyết phục một cách tốt nhất.  - Người thuyết trình phải kịp thời đưa ra những dẫn chứng làm rõ hơn về luận điểm của mình, phản bác lại lý lẽ của người được thuyết phục.  - Giữ thái độ bình tĩnh, tự tin khi bị người thuyết phục phản bác.  **2. Phân tích đề và lập dàn ý**  **a, Phân tích đề**  - Xác định vấn đề: Thói quen hoặc quan niệm cần từ bỏ là gì?  - Đối tượng cần thuyết phục là ai?  - Mục đích: để làm gì?  - Nội dung cảu vấn đề cần thuyết phục.  \*Tìm kiếm thông tin, xử lý dữ liệu, lựa chọn những thông tin có thể sử dụng để tăng tính thuyểt phục.  **\* Các bước thực hiện khi viết bài luận:**  + B1. Chuẩn bị viết  + B2. Tìm ý, lập dàn ý  + B3. Viết bài  + B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện  **• Hướng dẫn HS xây dựng dàn ý hoàn chỉnh cho đề kiểm tra** (Tham khảo phần phụ lục) | |
| **III. HOẠT ĐỘNG 3 TRẢ BÀI, NHẬN XÉT KẾT QUẢ BÀI VIẾT, YÊU CẦU HS CHỈNH SỬA**  *Mục tiêu: Giúp học sinh rút kinh nghiệm, có kĩ năng làm bài tốt hơn.* *– Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu* *– Kĩ thuật dạy học: Công não, thông tin – phản hồi* *– Hình thức tổ chức: học sinh hoạt động độc lập.* | | |
| ***Bước 1:*** GV Nhận xét, đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu của HS, chọn đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS nhận ra ưu điểm, khuyết điểm, đặc biệt chỉ cho HS những lỗi về mạch lạc, liên kết trong bài viết.  ***Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** GV hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết theo phiếu hướng dẫn (PL1)  ***Bước 3: Thực hiện nhiệm vụ***  HS:  Rà soát lại bài viết theo cột bên trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột bên phải (PL1)  ***Bước 4: Báo cáo kết quả và thảo luận*** HS trình bày những kinh nghiệm để rèn kĩ năng làm bài văn nêu cảm nghĩ  ***Bước 5***: GV tiếp thu ý kiến của HS, chỉnh sửa kết quả (nếu có), khắc sâu kiến thức. | **II**. **Nhận xét về ưu khuyết điểm**  1. Ưu điểm:   – Một số bài viết bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề, biết dẫn dắt phân tích vấn đề, lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục   – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp.  2. Khuyết điểm:  – Một số bài viết rất chung chung, không có dấu ấn cá nhân.   – Nhiều bài trình bày cẩu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ  3. Đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá  4. Trả bài viết  – Tiếp thu ý kiến của HS.  – Chỉnh sửa (nếu có) | |
| **IV. HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:**  **-** Vận dụng những kinh nghiệm vừa rút ra ở bài viết, thực hành viết đoạn văn ngắn khắc sâu kiến thức, kĩ năng  **b. Nội dung thực hiện**:  - HS viết đoạn văn khoảng 8 câu kêu gọi mọi người hưởng ứng ngày “Nói không với túi nilon”  - HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết. | | |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện. (Hoàn thành bài viết đề số 2 ở phần Thực hành viết)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm** vụ  - Học sinh thực hành viết  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày phần bài làm của mình.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **• Sản phẩm cần đạt:**  - Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.  - Phân tích, đánh giá được những ảnh hưởng và tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó đối với cá nhân và cộng đồng.  - Đưa ra được những giả pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện được để có thể từ bỏ một thói quen hay quan niệm không phù hợp.  - Bày tỏ thái độ ân cần, cảm thông, chia sẽ với đối tượng được thuyết phục. Xây đựng được niềm tin mà mình đang hướng tới. | |

**IV. PHỤ LỤC**

***Phụ lục 1. Rubic đánh giá***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu bài  Sai phương thức thuyết minh | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận  Chuẩn phương thức biểu đạt  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận  Chuẩn phương thức biểu đạt  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**Phụ lục 2. Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa bài viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**  **Nhiệm vụ:** *Rà soát lại bài viết theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải* | |
| 1. Phần mở bài: Đã giới thiệu vấn đề và nêu quan điểm hay chưa? | - Gạch chân những câu phần mở bài chưa đáp ứng yêu cầu, chỉnh lại nêu vấn đề và quan điểm |
| 2. Mỗi đoạn của thân bài có nêu quan điểm của bài viết không? | - Gạch chân vào câu nêu luận điểm  - Nên chuyển câu nêu luận điểm lên đầu đoạn văn |
| 3. Mỗi luận điểm có được làm sáng tỏ bắng lý lẽ, dẫn chứng hay không? Bài viết có đưa ra giải pháp cụ thể hay không? | - Khoanh tròn dẫn chứng, gạch chân lí lẽ, nếu có thể bổ sung dẫn chúng, lí lẽ cho thuyết phục hơn  - Gạch chân vào phần nêu giải pháp, diễn đạt cụ thể hơn |
| 4. Bài viết có nhìn vấn đề ở nhiều góc độ, bác bỏ ý kiến phản bác không? | - Đánh dấu sao vào phần bổ sung ý kiến phản bác, đưa ra lý lẽ, dẫn chứng để bác bỏ |
| 5. Phần kết bài có khẳng định lại quan điểm cá nhân về vấn đề hay không? | - Thêm câu khẳng định lại quan điểm và mở rộng nâng cao vấn đề |
| 6. Bài viết có mắc lỗi diễn đạt không? | - Rà soát và sửa lại lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, từ nối, liên kết trong bài viết…. |

|  |  |
| --- | --- |
| Trường: **THPT Ứng Hòa A** | GV thực hiện**: Lê Thị Minh Giang** |
|  |  |

**Tiết: 34 TRẢ BÀI KIỂM TRA - ĐỌC MỞ RỘNG**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố lại các kiến thức Ngữ văn đã học: những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục, cách viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm.

- Học sinh **nhận biết**, **phân tích** được cụ thể, rõ ràng và **đánh giá** được ưu điểm, nhược điểm của mình khi viết bài thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm mang tính tiêu cực.

**2. Năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực giao tiếp -hợp tác, tự đánh giá ưu, nhược điểm, giải quyết vấn đề…

- **Về năng lực đặc thù** : - Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tạo lập văn bản..

**3. Phẩm chất:**

- Tự rút ra được bài học trong cuộc sống, có trách nhiệm với bản thân

- Chủ động, tự giác, ý thức được nhược điểm, sẵn sàng thay đổi bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, thang đánh giá kết quả.
2. **Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, các dụng cụ khác nếu cần.
3. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Ổn định tổ chức lớp: (1’)

2. Kiểm tra bài cũ

- Kiểm tra bài cũ: không kiểm tra

3. Bài mới

Hôm nay cô sẽ trả bài kiểm tra cuối học kì II cho các em, để các em thấy được kết quả và cách đánh giá kiến thức kĩ năng vận dụng trình bày để giải quyết yêu cầu mà bài kiểm tra đưa ra. Đồng thời các em cũng sẽ nhận thấy những mặt mạnh để phát huy và mặt yếu để khắc phục.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** | |
| **I. HOẠT ĐỘNG 1.** KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ   1. **Mục tiêu hoạt động:**  * Tạo tâm thế thoải mái và định hướng bài học cho HS.  1. **Nội dung thực hiện:**   **-**GV cho HS xem phóng sự ngắn của VTV24 với nội dung hướng mọi người đến việc từ bỏ một vài thói quen, quan niệm xấu.(hút thuốc lá, vứt rác bừa bãi, lạm dụng thuốc kháng sinh, làm ồn nơi công cộng, quan niệm trọng nam khinh nữ, kỳ thị màu da, sắc tộc, tôn giáo…)  - Trao đổi với HS về nội dung của video.  c. Sản phẩm: HS đưa ra được những nhận xét về cách thuyết phục từ bỏ thói quen xấu trong video  d. Thực hiện nhiệm vụ | | |  |  |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên chiếu video, đặt câu hỏi:  Sau khi xem những hình ảnh vừa rồi em thấy tác giả khuyên mọi người điều gì? lời khuyên có thuyết phục không? vì sao?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi .  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định, dẫn dắt vào bài học**  *Việc nhận xét cách thuyết phục trong video giúp các em soi chiếu vào bài viết của mình, cùng nhìn nhận lại những điểm mạnh và điểm yếu trong bài viết của mình.* . | | **• *HS*** Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. – Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết  nhiệm vụ.  - Cùng nhận xét về cách thuyết phục của phóng sự – Có thái độ tích cực, hứng thú. |  |  |
| **II. HOẠT ĐỘNG 2.** NHẮC LẠI, KHẮC SÂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI, HƯỚNG DẪN HS PHÂN TÍCH ĐỀ, LẬP DÀN Ý  **a. Mục tiêu hoạt động:**  - HS nhận biết được các nội dung cơ bản và trình tự sắp xếp trong bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen.  - HS xác định được đúng các luận điểm trong bài viết, tóm lược được nội dung các luận điểm.  –  Học sinh biết cách nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm của mình*.*  **b. Nội dung thực hiện** – Kĩ thuật dạy học: Công não, thông tin – phản hồi – Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, thảo luận  c**. Sản phẩm**: HS nắm được yêu cầu cơ bản, dàn ý của đề bài  d. **Tổ chức thực hiện** | | |  | |  |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*** **–**Giáo viên chép đề lên bảng, yêu cầu học sinh nhắc lại yêu cầu cơ bản của kiểu bài, phân tích đề và lập dàn ý, từ đó, giúp học sinh nhận biết được những ưu, khuyết điểm trong bài làm của mình. ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS: phân tích đề, lập dàn ý, đối chiếu với bài làm của mình để nhận ra ưu, khuyết điểm và tự sửa chữa.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận*** HS nêu lên những ưu điểm, khuyết điểm trong bài làm của mình.  ***Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhấn mạnh vào một số điểm HS còn thiếu sót khi làm bài*** | **I. Yêu cầu của kiểu bài, dàn ý**  **1. Yêu cầu**  - Cần đưa ra những luận điểm, luận cứ xác đáng, mạch lạc và có logic.  - Nêu ra quan điểm, cách nhìn nhận vấn đề đa chiều của bản thân bằng cách đưa ra những bằng chứng xác đáng, để tạo hứng thú, sức thuyết phục người khác.  - Dự kiến những lý lẽ phản bác được đưa ra, kiểm soát được quá trình thuyết phục một cách tốt nhất.  - Người thuyết trình phải kịp thời đưa ra những dẫn chứng làm rõ hơn về luận điểm của mình, phản bác lại lý lẽ của người được thuyết phục.  - Giữ thái độ bình tĩnh, tự tin khi bị người thuyết phục phản bác.  **2. Phân tích đề và lập dàn ý**  **a, Phân tích đề**  - Xác định vấn đề: Thói quen hoặc quan niệm cần từ bỏ là gì?  - Đối tượng cần thuyết phục là ai?  - Mục đích: để làm gì?  - Nội dung cảu vấn đề cần thuyết phục.  \*Tìm kiếm thông tin, xử lý dữ liệu, lựa chọn những thông tin có thể sử dụng để tăng tính thuyểt phục.  **\* Các bước thực hiện khi viết bài luận:**  + B1. Chuẩn bị viết  + B2. Tìm ý, lập dàn ý  + B3. Viết bài  + B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện  **• hướng dẫn HS lập dàn ý đề (1**) (Tham khảo phần phụ lục) | |
| **III. HOẠT ĐỘNG 3 TRẢ BÀI, NHẬN XÉT KẾT QUẢ BÀI VIẾT, YÊU CẦU HS CHỈNH SỬA**  a. Mục tiêu: Giúp học sinh rút kinh nghiệm, có kĩ năng làm bài tốt hơn. b. Nội dung: Nhận xét kết quả, đọc bài của HS, hướng dẫn cách sửa lỗi  – Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu – Kĩ thuật dạy học: Công não, thông tin – phản hồi – Hình thức tổ chức: học sinh hoạt động độc lập.  c. Sản phẩm  - HS nhận ra lỗi sai và biết cách khắc phục, rút kinh nghiệm  d. Tổ chức thực hiện | | |
| ***Bước 1:*** GV Nhận xét, đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu của HS, chọn đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS nhận ra ưu ddiemr, khuyết điểm, đặc biệt chỉ cho HS những lỗi về mạch lạc, liên kết trong bài viết.  ***Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ học tập*** GV hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết theo phiếu hướng dẫn (PL2) ***Bước 3: Thực hiện nhiệm vụ, Báo cáo kết quả và thảo luận*** - HS:  Rà soát lại bài viết theo cột bên trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột bên phải (PL2)  ***-*** HS trình bày những kinh nghiệm để rèn kĩ năng làm bài văn nêu cảm nghĩ  ***Bước 4***: GV tiếp thu ý kiến của HS, chỉnh sửa kết quả (nếu có), khắc sâu kiến thức. | **II**. **Nhận xét về ưu khuyết điểm**  1. Ưu điểm:   – Một số bài viết bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề, biết dẫn dắt phân tích vấn đề, lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục   – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp.   2. Khuyết điểm:   – Một số bài viết rất chung chung, không có dấu ấn cá nhân.   – Nhiều bài trình bày cẩu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ. 3. Đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá  4. Trả bài viết số   – Tiếp thu ý kiến của HS. – Chỉnh sửa (nếu có) | |
| **IV. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu hoạt động:**  **-** Vận dụng những kinh nghiệm vừa rút ra ở bài viết thực hành viết đoạn văn ngắn khắc sâu kiến thức, kĩ năng  **b. Nội dung thực hiện**:  - HS viết đoạn văn khoảng 8 câu kêu gọi mọi người hưởng ứng ngày “Nói không với túi nilon  - HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết.  **c. Sản phẩm:** HS viết đoạn văn đáp ứng yêu cầu, có sức thuyết phục  **d. Thực hiện** | | |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện.( hoàn thành bài viết đề số 2 ở phần Thực hành viết)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm** vụ  - Học sinh thực hành viết  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày phần bài làm của mình.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **• Sản phẩm cần đạt:**  - Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.  - Phân tích, đánh giá được những ảnh hưởng và tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó đối với cá nhân và cộng đồng.  - Đưa ra được những giả pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện được để có thể từ bỏ một thói quen hay quan niệm không phù hợp.  - Bày tỏ thái độ ân cần, cảm thông, chia sẽ với đối tượng được thuyết phục. Xây đựng được niềm tin mà mình đang hướng tới. | |

**IV: PHỤ LỤC**

**1. Lập dàn ý cho đề bài:** *Lạm dụng thuốc kháng sinh là một thói quen phổ biến của nhiều người Việt hiện nay. Em hãy viết một bài luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.*

a. Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết: Mọi người cần từ bỏ việc lạm dụng thuốc kháng sinh bởi thói quen này dẫn đến nhiều nguy cơ mà con người phải đối mặt trong điều trị bệnh tật.

b. Thân bài: Người viết có thể sắp xếp các ý theo trật tự khác nhau, kết hợp giữa lý lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh. Ví dụ, có thể sắp xêp theo trật tự sau:

- Giải thích: thế nào là thuốc kháng sinh, lạm dụng thuốc kháng sinh và trình bày hiện trạng lạm dụng thuốc kháng sinh hiện nay trong cộng đồng.

- Những lý do để từ bỏ thuốc kháng sinh:

• Lạm dụng thuốc kháng sinh gây lãng phí tiền bạc.

• Lạm dụng thuốc kháng sinh gây khó khăn trong việc chẩn đoán, điều trị bệnh.

• Lạm dụng thuốc kháng sinh dẫn đến tình trạng kháng thuốc kháng sinh, gây ảnh hưởng đến tính mạng.

- Dự đoán lập luận của những người có thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh( ví dụ: Dựa vào hướng dẫn của người bán thuốc, tham khảo thông tin trên internet, và những người xung quanh, không có thời gian đi khám bác sỹ…) từ đó người viết có thể phản biện lại:

• Chẳng hạn: Người bán thuốc không phải là bác sỹ khám bệnh , họ không đủ kiến thức chẩn đoán và kê đơn điều trị bệnh…

- Làm thế nào để từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh ( ví dụ: hiểu tác hại của việc lạm dụng thuốc kháng sinh, khi có bệnh cần phải đến thăm khám tại bệnh viện, nơi có bác sỹ chuyên khoa , mua và sử dụng thuốc theo đúng chỉ định của bác sỹ,.)

c. Kết bài: Khẳng định lại tác hại nghiêm trọng của việc lạm dụng thuốc kháng sinh để khuyên mọi người cần từ bỏ ngay việc lạm dụng nó vì một cuộc sống khoẻ mạnh, an toàn cho bản thân và cộng đồng.

**2. Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa bài viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**  **Nhiệm vụ:** *Rà soát lại bài viết theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải* | |
| 1. Phần mở bài: Đã giới thiệu vấn đề và nêu quan điểm hay chưa? | - Gạch chân những câu phần mở bài chưa đáp ứng yêu cầu, chỉnh lại nêu vấn đề và quan điểm |
| 2. Mỗi đoạn của thân bài có nêu quan điểm của bài viết không? | - Gạch chân vào câu nêu luận điểm  - Nên chuyển câu nêu luận điểm lên đầu đoạn văn |
| 3. Mỗi luận điểm có được làm sáng tỏ bắng lý lẽ, dẫn chứng hay không? Bài viết có đưa ra giải pháp cụ thể hay không? | - Khoanh tròn dẫn chứng, gạch chân lí lẽ, nếu có thể bổ sung dẫn chúng, lí lẽ cho thuyết phục hơn  - Gạch chân vào phần nêu giải pháp, diễn đạt cụ thể hơn |
| 4. Bài viết có nhìn vấn đề ở nhiều góc độ, bác bỏ ý kiến phản bác không? | - Đánh dấu sao vào phần bổ sung ý kiến phản bác, đưa ra lý lẽ, dẫn chứng để bác bỏ |
| 5. Phần kết bài có khẳng định lại quan điểm cá nhân về vấn đề hay không? | - Thêm câu khẳng định lại quan điểm và mở rộng nâng cao vấn đề |
| 6. Bài viết có mắc lỗi diễn đạt không? | - Rà soát và sửa lại lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, từ nối, liên kết trong bài viết…. |